

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 156/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16-4-2025

“v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chát

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Công Định và bà Vũ Thị Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 678/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025 giữa:

1. **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị T, sinh năm 1996; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Nhật Bản. Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Người được nguyên đơn ủy quyền về việc giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 9 N, khu 7, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

2. **Bị đơn:** Anh Mạc Văn C, sinh năm 1990; Địa chỉ: Khu dân cư C, phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Mạc Văn C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương vào ngày 10/01/2014. Sau khi kết hôn, chị và anh C chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm

sống. Vợ chồng sống xa cách gần 6 năm nay, hiện chị đang làm việc tại Nhật Bản. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Mạc Văn C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là Mạc Minh Đ, sinh ngày 03/01/2014, hiện đang ở cùng anh C. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu Đ cho chị nuôi dưỡng. Trường hợp anh C đề nghị được nuôi con thì chị cũng nhất trí.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Mạc Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định điều kiện, thời gian kết hôn như chị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh và chị T sống chung cùng bố mẹ anh tại phường C, thành phố C. Quá trình chung sống, vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Năm 2018, anh và chị T thống nhất để chị T đi lao động tại Nhật Bản. Thời gian đầu, chị T vẫn liên lạc về cho anh. Khoảng 4 năm trở lại đây, chị T không gọi điện về và chặn liên lạc của anh. Từ đó vợ chồng anh sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 01 con chung như chị T trình bày là đúng. Cháu Mạc Minh Đ hiện đang ở với anh. Khi ly hôn, anh xin được nuôi cháu Đ và tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T, anh C đều vắng mặt, có đơn và quan điểm xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T ly hôn anh Mạc Văn C. Về con chung: Giao cháu Mạc Minh Đ, sinh ngày 03/01/2014 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Lê Thị T đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản. Bị đơn anh Mạc Văn C hiện đang sinh sống tại phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, có đơn và quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Mạc Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương vào ngày 10/01/2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị T và anh C đều xác định vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị T trình bày là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Còn theo anh C trình bày sau khi sang Nhật Bản làm việc, chị T đã chặn mọi liên lạc của anh, vợ chồng anh sống ly thân được khoảng 4 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T và anh C đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn, anh C đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn của chị T và anh C đã trầm trọng, anh chị không còn quan tâm, yêu thương nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị T được ly hôn anh C là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị T và anh Mạc Văn C có 01 con chung là Mạc Minh Đ, sinh ngày 03/01/2014. Khi ly hôn, chị T và anh C đều có quan điểm xin được nuôi cháu Đ. Xét thấy hiện cháu Đ đang ở với anh C, được học tập và phát triển tốt; nguyện vọng của cháu Đ là muốn được ở cùng bố. Chị T đang ở nước ngoài, không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do vậy, cần tiếp tục giao cháu Đ cho anh C nuôi dưỡng đến khi cháu Đ thành niên (tròn 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T về các vấn đề sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T ly hôn anh Mạc Văn C.

1.2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Mạc Văn C được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Mạc Minh Đ, sinh ngày 03/01/2014 kể từ tháng 04/2025 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) do chị Nguyễn Thị T1 nộp thay, theo biên lai thu tiền số 0005418 ngày 12 tháng 12 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Anh Mạc Văn C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND phường C, thành phố C, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chát